

THÔNG BÁO

Về việc nhận chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP
Học kỳ II năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Trường THPT Krông Ana thông báo đến giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và học sinh về việc nhận chế độ hỗ trợ chi phí học tập như sau:

1. Chế độ hỗ trợ chi phí học tập HK II năm học 2024-2025: 62 học sinh (có danh sách kèm theo).
2. Hình thức nhận: Nhận trực tiếp tại văn phòng nhà trường.
3. Thời gian nhận: Từ ngày 23. /05/2025, trong giờ hành chính.
4. Lưu ý: Cha mẹ học sinh hoặc học sinh khi nhận mang theo CCCD.

Trường THPT Krông Ana thông báo đến giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và học sinh được biết để thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ với nhà trường qua số điện thoại 02623637062 để được giải đáp.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó hiệu trưởng;
- Văn phòng;
- GVCN, CMHS, HS;
- Đăng trang web, Bảng tin;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



*Phạm Văn Ninh

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ II

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên HS được hỗ trợ chi phí học tập	DÂN TỘC	Lớp	HỌ KHÁU	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Chi tiết đối tượng	Ký nhận
-----	--	---------	-----	---------	----------------------	---------------------	--------------------	---------

TỔNG CỘNG

46,500,000

HỌ NGHÈO

8,250,000

1	Vũ Trần Bảo Như	Kinh	10A1	Buôn Ê Căm, TT Buôn Trấp	5	750,000		
2	Nguyễn Minh Huy	Kinh	10A2	Thôn 2, Xã Bình Hòa	5	750,000		
3	Nguyễn Thị Chúc Lam	Kinh	10A5	Buôn Ê Căm, TT Buôn Trấp	5	750,000		
4	Trịnh Văn Duy Hiếu	Kinh	10A6	Thôn 2, TT Buôn Trấp	5	750,000		
5	Huỳnh Thị Yến Nhi	Kinh	10A6	Thôn 3, Xã Quảng Điền	5	750,000		
6	Đặng Văn Thạch	Kinh	11A8	Thôn 6, Xã Bình Hòa	5	750,000		
7	Lê Thị Thảo Nhi	Kinh	11A10	TDP1, TT Buôn Trấp	5	750,000		
8	Nguyễn Thị Thảo Vy	Kinh	12A4	Thôn 6, Xã Bình Hòa	5	750,000		
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kinh	12A4	Thôn 7, Xã Cư Mán, Easup	5	750,000		
10	H' Ngắc Hduê	Ê đê	12A8	Buôn Kmăl, Xã Đurkmăl	5	750,000		
11	Phan Thị Bảo Giang	Kinh	12A9	Thôn 1, Xã Băng Ađrênh	5	750,000		

VÙNG KHỔ KHĂN

36,000,000

1	Võ Thị Kim Ngân	Kinh	10A1	Buôn Ê Căm, TT Buôn Trấp	5	750,000		
2	Lê Khánh Vy	Kinh	10A2	Buôn Nắc, Xã Ea Bông	5	750,000		
3	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Kinh	10A3	TDP Buôn Trấp, TT Buôn Trấp	5	750,000		
4	Hồ Quốc Đạt	Kinh	10A3	TDP Buôn Trấp, TT Buôn Trấp	5	750,000		
5	Huỳnh Bá Gia Hân	Kinh	10A3	Buôn Rung, TT Buôn Trấp	5	750,000		
6	Nguyễn Khánh Toàn	Kinh	10A3	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
7	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kinh	10A3	TDP Buôn Trấp, TT Buôn Trấp	5	750,000		
8	Hoàng Quốc Dũng	Kinh	10A5	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
9	Nguyễn Trọng Bình	Kinh	10A5	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
10	Nguyễn Đức Nguyên	Kinh	10A5	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
11	Nguyễn Tuấn Nguyên	Kinh	10A6	TDP Buôn Trấp, TT Buôn Trấp	5	750,000		
12	Lê Nguyễn Ngọc Anh	Kinh	10A6	Buôn Ê Căm, TT Buôn Trấp	5	750,000		
13	H'Ngôn Niê	Ê Đê	10A7	Buôn Ê Căm, TT Buôn Trấp	5	750,000		
14	Phan Đăng Trung Nguyễn	Kinh	10A8	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
15	Nguyễn Đại Bảo Khang	M'Nông	10A8	Buôn Nắc, Xã Ea Bông	5	750,000		
16	Trần Khánh Duy	Kinh	11A1	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
17	Phạm Thị Kim Ngân	Kinh	11A3	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
18	Y Tháp Ênuôl	Ê đê	11A3	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000	066208020641	Tháp Y Tháp Ê Nuôl
19	Lưu Ngọc Bảo	Kinh	11A4	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
20	Nguyễn Tất Trung	Kinh	11A4	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
21	Lương Thị Ngọc Trâm	Kinh	11A5	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
22	Trịnh Thị Kim Tuyết	Kinh	11A6	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
23	Nguyễn Hoàng Trung	Kinh	11A6	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
24	Hoàng Tổ Trinh	Kinh	11A6	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		
25	Y Sa Ênuôl	Ê đê	11A6	Buôn Đur 1, Xã Đur Kmăl	5	750,000		

26	Y Cội Niê	Ê đê	11A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
27	H' Ân Mlô	Ê đê	11A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
28	Nguyễn Tấn Gia Bảo	Kinh	11A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
29	Phạm Thị Ngọc Thúy	Mường	11A8	Buôn Tơ Lơ, Xã Ea Na	5	750,000		
30	H' Wan Hạ Hmök	Ê đê	11A9	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
31	Lý Thị Ngọc Mai	Nùng	11A9	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
32	Nguyễn Thành Như Ý	Kinh	11A9	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
33	Y Khoa Ênuöl	Ê đê	11A10	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
34	Bùi Đình Hân	Kinh	11A11	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
35	Nguyễn Đình Thức	Kinh	12A2	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
36	Nguyễn Vương Như Ý	Kinh	12A2	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
37	Phạm Thị Thu Phương	Kinh	12A4	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
38	Lê Tấn Khang	Kinh	12A4	Buôn Nắc, Xã Ea Bông	5	750,000		
39	Trịnh Duy Long	Kinh	12A5	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
40	H' Như Hưê	Ê đê	12A7	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
41	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Tày	12A7	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
42	Ngọc Thị Mai Dóa	Nùng	12A7	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
43	Y Hai Hmok	Ê đê	12A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
44	Nguyễn Thị Minh Thư	Kinh	12A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
45	Đặng Văn Huy	Kinh	12A9	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
46	Lê Thị Nhật	Kinh	12A10	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
47	Lê Công Bình	Kinh	12A10	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmäl	5	750,000		
48	Võ Thị Huệ	Kinh	12A10	Thôn Cao Sơn, xã Buôn Choah, Krông Nô, Đắk Nông	5	750,000		
MỎ CỎI						750,000		
1	Trịnh Văn Thiên	Kinh	11A3	Thôn 4, Xã Quảng Điền	5	750,000		
KHUYẾT TẬT						1,500,000		
1	Đinh Văn Quốc	Kinh	12A5	Thôn Hải Châu, Xã Bình Hòa	5	750,000		
2	Đỗ Huy Thắng	Kinh	12A8	Thôn Sơn Trà, Xã Bình Hòa	5	750,000		

Bảng chữ: Bốn mươi triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP
Nguyễn Thị Tố Như
NGUYỄN THỊ TỐ NHƯ

KẾ TOÁN
Phạm Thị Thu Thảo
PHẠM THỊ THU THẢO

Krông Ana, ngày tháng 5 năm 2025
HIEU TRƯỞNG
Phạm Văn Ninh
TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
KRÔNG ANA

PHÒNG TC - KH
Trịnh Công Sáu
2

Buôn Ma Thuột, ngày 16 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Trịnh Công Sáu



Lê Thị Thanh Xuân
Lê Thị Thanh Xuân